

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/01/2021.

V/v: “*Xin ly hôn và tranh chấp  
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Hồ Thị Ngân.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:*  
Bà **Đoàn Thị Tình** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 491/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Trần Tú Đ**, sinh năm: 1976. (Có mặt)

Nơi ĐKTT: Số 192/4 đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 108 đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Ông **Dương Văn N**, sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Số 41 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 224/12 đường Hàn Thuyên, khu phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Tú Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tú Đ và ông Dương Văn N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/01/2008. Trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm nhau, ông N thường xuyên nhậu nhẹt và không quan tâm gia đình. Bà Đ và ông N đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được và đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Đ xác nhận giữa bà và ông N quá trình chung sống có 02 người con chung tên Dương Tú N, sinh ngày 08/7/2003 và Dương Tú N2, sinh ngày 13/7/2007, hiện đang sống cùng với bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác nhận giữa bà và ông N không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Tú Đ vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

*\* Bị đơn ông Dương Văn N vắng mặt tại phiên tòa.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Tú Đ khởi kiện xin ly hôn với ông Dương Văn N có nơi đăng ký thường trú ở số 41 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và chỗ ở ở số 224/12 đường Hàn Thuyên, khu phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông N là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Tú Đ và ông Dương Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Đ khởi kiện xin ly hôn ông N với lý do: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm nhau. Bà Đ và ông N đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và cũng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay.

Bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà Đ cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông N đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà Đ xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông N của bà Trần Tú Đ.

[4] *Về con chung*: Bà Trần Tú Đ xác nhận giữa bà và ông N có 02 người con chung tên Dương Tú N, sinh ngày 08/7/2003 và Dương Tú N2, sinh ngày 13/7/2007, hiện đang sống cùng bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung. Xét thấy con chung hiện đang sống cùng với bà Đ, và tâm nguyện của cháu Như và cháu Ngọc là muốn được sống cùng với mẹ, nên cần thiết giao cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung của bà Trần Tú Đ.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Đ xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Tú Đ xác định giữa bà và ông N không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung

và nợ chung trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Trần Tú Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008503 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Trần Tú Đ đã nộp đủ án phí phải nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Tú Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tú Đ được ly hôn với ông Dương Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Tú N, sinh ngày 08/7/2003 và Dương Tú N2, sinh ngày 13/7/2007 cho bà Trần Tú Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông Dương Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu bà Đ gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp bà Đ không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Tú Đ xác định giữa bà và ông N không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu

cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ kiện này.

Nếu ông Dương Văn N có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

**4. Về án phí :** Bà Trần Tú Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008503 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Trần Tú Đ đã nộp đủ án phí phải nộp.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày **28/01/2021**). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND TP.Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Phương Thanh**